| **Hạng mục** | **Hệ thống hiện tại** | **Hệ thống tương lai/Mong đợi** | **Đáp ứng toàn phần** | **Đáp ứng một phần** | **Không đáp ứng** | **Giải pháp/ Kế hoạch thực hiện** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **1. Quy trình, chức năng nghiệp vụ** |  |  |  |  |  |  |
| **Quy trình bán hàng** | Quản lý đơn hàng thủ công trên Excel | Tự động hóa quy trình bán hàng, quản lý đơn hàng, báo giá và hóa đơn điện tử | x |  |  | Sales: Tự động tạo báo giá, xử lý đơn hàng, xuất hóa đơn, theo dõi doanh thu |
| **Quy trình mua hàng** | Đặt hàng thủ công với nhà cung cấp | Tự động hóa quy trình đặt hàng, theo dõi tình trạng đơn hàng từ nhà cung cấp | x |  |  | Purchase: Tạo đơn mua hàng, theo dõi nhà cung cấp, tự động đặt lại hàng |
| **Quy trình sản xuất** | Quản lý thủ công theo từng bước sản xuất | Tự động hóa quy trình sản xuất, theo dõi tiến độ, kiểm soát chất lượng | x |  |  | Manufacturing: Theo dõi tiến độ sản xuất, quản lý kiểm tra chất lượng và hoàn thiện sản phẩm |
| **Quy trình đóng gói** | Quản lý đóng gói thủ công, kiểm tra tồn kho, xác nhận và đóng gói linh kiện | Tự động hóa quy trình đóng gói bộ KIT, theo dõi kiểm tra chất lượng và giao hàng | x |  |  | Inventory/Manufacturing: Tự động hóa việc kiểm tra tồn kho, đóng gói, tạo phiếu giao hàng, theo dõi giao nhận |
| **Quy trình thu linh kiện lỗi** | Xử lý linh kiện lỗi theo quy trình thủ công và báo cáo qua giấy tờ | Tự động hóa quy trình kiểm tra, xử lý và phân loại linh kiện lỗi, cập nhật vào hệ thống |  | x |  | Quality Management: Tự động ghi nhận lỗi, phân loại, và đưa ra quyết định xử lý, cập nhật vào hệ thống |
| **Quy trình nhận ký gửi từ nhà cung cấp** | Ghi nhận hàng ký gửi, kiểm tra và quản lý thủ công | Tự động hóa quy trình nhận hàng ký gửi, theo dõi doanh số và thanh toán cho nhà cung cấp | x |  |  | Inventory Management: Tự động ghi nhận hàng ký gửi, theo dõi doanh số và thanh toán, cập nhật vào hệ thống |
| **2. Nhân sự** |  |  |  |  |  |  |
| **Số lượng** | Không có hệ thống quản lý cụ thể | Quản lý nhân viên, lương thưởng và phân công công việc |  |  |  |  |
| **Phân công** | Quản lý bằng giấy tờ và Excel | Tự động hóa phân công công việc, theo dõi tiến độ | x |  |  | Project và Timesheet: Phân công công việc và theo dõi tiến độ |
| **Kỹ năng** | Theo dõi kỹ năng và đào tạo nhân viên thủ công | Quản lý và theo dõi đào tạo kỹ năng của nhân viên | x |  |  | Employees: Theo dõi kỹ năng, đào tạo và chứng chỉ nhân viên |
| **Nghỉ phép** | Chấm công quản lý thủ công | Quản lý và theo dõi nghỉ phép nhân viên |  | x |  | Employees: Quản lý nghỉ phép và chấm công |
| **3. Tích hợp hệ thống ngoài** |  |  |  |  |  |  |
| **Tích hợp website bán hàng** | Chưa có hệ thống quản lý tích hợp | Tích hợp website bán hàng với hệ thống ERP |  | x |  | Website: Tích hợp bán hàng trực tuyến với quản lý đơn hàng ERP |
| **Tích hợp POS (Điểm bán hàng)** | Chưa có hệ thống POS | Tích hợp hệ thống POS với hệ thống quản lý tổng thể |  | x |  | POS: Tự động ghi nhận giao dịch bán hàng tại cửa hàng, tích hợp với hệ thống ERP |
| **Quản lý vận chuyển** | Giao hàng thủ công | Tích hợp hệ thống quản lý vận chuyển, theo dõi giao hàng |  | x |  | Delivery: Tự động hóa vận chuyển, cần tích hợp với dịch vụ vận chuyển bên thứ ba |
| **4. Chứng từ giao dịch** |  |  |  |  |  |  |
| **Quản lý hóa đơn** | Hóa đơn giấy | Tự động tạo hóa đơn điện tử, quản lý thanh toán và nhắc nhở | x |  |  | Invoicing: Quản lý hóa đơn điện tử và theo dõi thanh toán |
| **Biên lai thanh toán** | Thủ công | Tạo biên lai tự động, theo dõi tình trạng thanh toán | x |  |  | Invoicing: Tự động tạo biên lai và theo dõi thanh toán |
| **5. Dữ liệu** |  |  |  |  |  |  |
| **Quản lý dữ liệu sản phẩm** | Dữ liệu sản phẩm quản lý rời rạc | Tích hợp quản lý sản phẩm tập trung, thông tin chi tiết về linh kiện | x |  |  | Product: Quản lý danh mục sản phẩm và các thông tin kỹ thuật liên quan |
| **Dữ liệu khách hàng** | Thủ công và rời rạc | Tích hợp quản lý thông tin khách hàng, lịch sử mua hàng | x |  |  | CRM: Quản lý thông tin khách hàng và cơ hội bán hàng |
| **6. Hạ tầng CNTT** |  |  |  |  |  |  |
| **7. Phần mềm ứng dụng** |  |  |  |  |  |  |
| **Phần mềm quản lý sản phẩm** | Sử dụng phần mềm rời rạc | Quản lý tập trung danh mục linh kiện điện tử | x |  |  | Inventory và Product: Quản lý danh mục linh kiện và số lượng tồn kho |
| **Phần mềm quản lý nhân sự** | Sử dụng phần mềm rời rạc | Tích hợp quản lý nhân sự với hệ thống chính | x |  |  | Employees: Quản lý nhân viên |